ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC THỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1537 /UBND-KT V/v triển khai thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2026	*Đức Thịnh, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

Kính gửi:
- Hiệu trưởng các trường học trên địa bàn;
- Giám đốc các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quy định nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

Thực hiện Kế hoạch số 1500/KH-UBND ngày 22/5/2026 của UBND xã Đức Thịnh về việc thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2026 trên địa bàn xã Đức Thịnh; Ủy ban nhân dân xã Đức Thịnh yêu cầu Hiệu trưởng các trường, Giám đốc các Doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa triển khai thu Quỹ Phòng, chống thiên tai cụ thể như sau:

I. Đối tượng và mức thu

1. Đối với các trường học: Quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, được sửa đổi bởi khoản 7, Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025:

a. Đối tượng thu: Cán bộ, viên chức trong biên chế nhà trường.

b. Mức thu:

$$\text{Mỗi người/năm} = \frac{\text{Mức lương cơ sở}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng x 2}}$$

Trong đó:
- Mức lương cơ sơ: 2.340.000 đồng;
- Số ngày làm việc trong tháng:
  + Đối với trường THCS, THPT: 26 ngày/tháng;
  + Đối với trường Mầm non, Tiểu học: 22 ngày/tháng.

(có Biểu tổng hợp thu các trường kèm theo)

2. Đối với Doanh nghiệp, HTX sản xuất kinh doanh trên địa bàn: Quy định tại khoản 1, Điều 12; điểm b, khoản 3, Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, được sửa đổi bởi khoản 7, Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025:

a. Đối tượng thu:

- Tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, HTX…);

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các tổ chức kinh tế.

b. Mức thu:

- Tổ chức kinh tế: Mức đóng góp bắt buộc từ các chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

- Người lao động

$$\text{Mỗi người/năm} = \frac{\text{Mức lương tối thiểu vùng}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng x 2}}$$

Trong đó:

- Mức lương cơ sở: 3.700.000 đồng;
- Số ngày làm việc trong tháng: 26 ngày/tháng;

Tương đương: 71.154 đ/người/năm.

(có Biểu tổng hợp thu các DN, HTX kèm theo)

II. Thời gian, địa điểm nộp

1. Thời gian: Các đơn vị hoàn thành việc thu Quỹ Phòng chống thiên tai ***trước ngày 31/5/2026***

2. Địa điểm nộp: Nộp về UBND xã *(qua đồng chí Nghiêm Đức Hạnh - Phòng Kinh tế - Sđt: 0919.156.412)*.

Đây là nội dung quan trọng, yêu cầu Hiệu trưởng các Trường; Giám đốc các Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn nghiêm túc triển khai thực hiện và thu nộp quỹ đầy đủ, đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

TỔNG HỢP THU QUỸ PCTT CÁC TRƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số 1537 /UBND-KT ngày 26/5/2026 của UBND xã Đức Thịnh)

TT	Đơn vị	Tổng số			Trong đó			
					Số miễn, giảm		Số phải nộp	
		Tổng số người	Mức đóng (đồng/ người)	Tổng số tiền tính nộp (đồng)	Số người	Số tiền được miễn giảm (đồng)	Số người	Số tiền phải nộp (đồng)
A	*B*	*1*		*2*	*5*	*6*	*5*	*6*
1	Trường Mầm non Đức An	20	53.182	1.063.600	3	159.500	17	904.100
2	Trường Mầm non Đức Dũng	17	53.182	904.100	3	159.500	14	744.500
3	Trường Mầm non Đức Lâm	19	53.182	1.010.500	3	159.500	16	850.900
4	Trường Mầm non Đức Thanh	15	53.182	797.700	1	53.200	14	744.500
5	Trường Mầm non Đức Thịnh	17	53.182	904.100	2	106.400	15	797.700
6	Trường Mầm non Đức Thủy	15	53.182	797.700	4	212.700	11	585.000
7	Trường Mầm non Thái Yên	23	53.182	1.223.200	2	106.400	21	1.116.800
8	Trường Mầm non Trung Lễ	16	53.182	850.900	3	159.500	13	691.400
9	Trường Tiểu học Đức An	22	53.182	1.170.000	1	53.200	21	1.116.800
10	Trường Tiểu học Đức Dũng	19	53.182	1.010.500		0	19	1.010.500
11	Trường Tiểu học Đức Lâm	24	53.182	1.276.400		0	24	1.276.400
12	Trường Tiểu học Đức Thanh	18	53.182	957.300		0	18	957.300
13	Trường Tiểu học Đức Thịnh	23	53.182	1.223.200	2	106.400	21	1.116.800
14	Trường Tiểu học Đức Thủy	18	53.182	957.300		0	18	957.300
15	Trường Tiểu học Thái Yên	33	53.182	1.755.000	2	106.400	31	1.648.600
16	Trường Tiểu học Trung Lễ	19	53.182	1.010.500	1	53.200	18	957.300
17	Trường THCS Bình Thịnh	43	45.000	1.935.000	2	90.000	41	1.845.000
18	Trường THCS Lê Ninh	31	45.000	1.395.000			31	1.395.000
19	Trường THCS Lê Văn Thiêm	48	45.000	2.160.000	4	180.000	44	1.980.000
20	Trường THCS Thanh Dũng	36	45.000	1.620.000			36	1.620.000
	Tổng cộng	**476**		**24.022.000**	**33**	**1.705.900**	**443**	**22.315.900**

TỔNG HỢP THU QUỸ PCTT CÁC DOANH NGHIỆP, HTX NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /5/2026 của UBND xã Đức Thịnh)

TT	Tên Doanh nghiệp	Số Doanh nghiệp đóng		Người lao động trong Doanh nghiệp đóng		Tổng tiền đóng quỹ
		Giá trị tài sản hiện có theo báo cáo năm 2026	Số tiền đóng quỹ	Số lao động trong Doanh nghiệp	Số tiền đóng quỹ	
1	Công ty CP sản xuất và TM Á Châu 38				569.000	569.000
2	Công ty CP Tư vấn Xây dựng 86	597.555.455	500.000	0		500.000
3	Công ty CP Tư vấn XD CH			4	285.000	285.000
4	Công ty CP TV & XD Thành Phát 79	37.272.727	500.000			500.000
5	Công ty CP Xây dựng Trần Phú	100.000.000	500.000			500.000
6	Công ty CP XD Trần Phú			4	285.000	285.000
7	Công ty TNHH Bình Vinh Quang			1	71.000	71.000
8	Công ty TNHH Chế biến gỗ và DVTH Minh Khuê			1	71.000	71.000
9	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ YuKi Seppre 24	579.100.909	500.000	2	142.000	642.000
10	Công ty TNHH Đồ gỗ Hoàn Hảo	1.195.777.728	500.000	2	142.000	642.000
11	Công ty TNHH Đồ gỗ Hoàng Lê Bình	1.606.380.000	500.000			500.000
12	Công ty TNHH Đồ gỗ Tài Luận	1.001.818.182	500.000	2	142.000	642.000
13	Công ty TNHH Đức Thịnh ND	495.454.545	500.000	5	356.000	856.000
14	Công ty TNHH Giáo dục tri thức 3K			2	142.000	142.000
15	Công ty TNHH Hà An Anh	18.010.324.475	3.602.000	22	1.565.000	5.167.000

16	Công ty TNHH Hỗ trợ giáo dục hòa nhập Trung Lễ			5	356.000	356.000
17	Công ty TNHH Hợp Thái Chính Việt Nam	16.005.246.413	3.201.000	254	18.073.000	21.274.000
18	Công ty TNHH Hùng Quang	7.435.359.182	1.487.000	5	356.000	1.843.000
19	Công ty TNHH Kỹ thuật XD Hoàn Anh Phát			4	285.000	285.000
20	Công ty TNHH Khánh An AD			1	71.000	71.000
21	Công ty TNHH Lĩnh Đạt	1.634.645.455	500.000	4	285.000	785.000
22	Công ty TNHH Minh Khang HT			2	142.000	142.000
23	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Á Châu	1.201.641.091	500.000			500.000
24	Công ty TNHH MTV TM DV Phú Nguyên			15	1.067.000	1.067.000
25	Công ty TNHH MTV TM Quang Tiến	1.152.018.182	500.000	1	71.000	571.000
26	Công ty TNHH MTV XD & TM Tài Lộc Phát	529.516.296	500.000			500.000
27	Công ty TNHH Newment	1.306.363.637	500.000	2	142.000	642.000
28	Công ty TNHH nhôm kính Bắc Nam			6	427.000	427.000
29	Công ty TNHH Quảng cáo Việt Huế	655.909.091	500.000			500.000
30	Công ty TNHH Quốc Toản	24.552.634.168	4.911.000	21	1.494.000	6.405.000
31	Công ty TNHH Sản xuất TM & DV Thành Đạt Phát			1	71.000	71.000
32	Công ty TNHH Sáng Gia Tân Tiến	2.262.090.281	500.000	4	285.000	785.000
33	Công ty TNHH SH - Việt Nam			15	1.067.000	1.067.000
34	Công ty TNHH SXTM Thành Thịnh	4.278.053.204	856.000	7	498.000	1.354.000
35	Công ty TNHH TM Dầu khí Miền Trung			1	71.000	71.000
36	Công ty TNHH TM TH Khánh Huyền	252.829.760	500.000	7	498.000	998.000
37	Công ty TNHH TM và DV Hưng Hoàng Phát			1	71.000	71.000

38	Công ty TNHH TM và DV Tuấn Phát LOGISTICS			1	71.000	71.000
39	Công ty TNHH TM VNT			1	71.000	71.000
40	Công ty TNHH TMDV và XNK Đức Thịnh	127.000.000	500.000			500.000
41	Công ty TNHH VTNN Hiền Trung			2	142.000	142.000
42	Công ty TNHH VTNN Sơn Tuyết			4	285.000	285.000
43	Công ty TNHH VTNN Tùng Dung			2	142.000	142.000
44	Công ty TNHH VTNN Thúy Anh			2	142.000	142.000
45	Công ty TNHH Xây dựng và TM Bảo Hoàng Gia	1.902.313.637	500.000	5	356.000	856.000
46	Công ty TNHH Xây dựng và TM Phan Nguyễn	90.909.091	500.000	2	142.000	642.000
47	DNTN Dương Trị			5	356.000	356.000
48	DNTN Chế biến Lâm sản Phúc Sơn	33.236.849	500.000			500.000
49	DNTN đồ gỗ Thiên Soái			2	142.000	142.000
50	DNTN Đường Thảo			7	498.000	498.000
51	DNTN Thành Lộc	698.513.357	500.000	1	71.000	571.000
52	DNTN Vận tải Minh Tiến HT	330.000.000	500.000	1	71.000	571.000
53	DNTN Xây dựng Thanh Tùng HT	407.138.182	500.000	3	213.000	713.000
	TỔNG CỘNG	**88.479.101.897**	**25.557.000**	**447**	**31.802.000**	**57.359.000**